

Biên Hòa, ngày 04 tháng 1 năm 2021

Số: 02/2021/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 2613/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Xuân L, sinh năm 1976
Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 4B, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1977
Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 4B, phường T, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đoàn Xuân L, sinh năm 1976 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1977.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Xuân L và bà Phạm Thị Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đoàn Xuân K, sinh ngày 28/3/2003 và cháu Đoàn Thanh T, sinh ngày 13/6/2011. Ly hôn, ông L và bà Đ thống nhất giao cả hai cháu K, cháu T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đ được quyền qua lại thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông bà

được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất tại thửa đất số 236, tờ bản đồ số 16, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 353509 cấp ngày 15/7/2009.

Hậu quả của việc đình chỉ là đương sự có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu chia tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu số 0007595 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Hoàn trả cho ông L số tiền còn lại là 150.000 đồng theo biên lai thu số 0007595 ngày 01/12/2020 và số tiền 17.000.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0007596 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Trí